



Ký bởi: ỦY BAN NHÂN
DÂN XÃ MINH THỚI
Cơ quan: ỦY BAN NHÂN
DÂN TỈNH NHỊNH BÌNH
Thời gian ký: 17/09/2026
11:11:58

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 CỦA CÁC TRƯỜNG HỌC CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN XÃ DO SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo Quyết định số 1196/QĐ-UBND ngày 16/9/2026 của UBND xã Minh Thới)

ĐVT: Đồng

STT	Đơn vị	Mã QHNS	Chương	Loại	Khoản	Nguồn	ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN				GIAO DỰ TOÁN				Ghi chú
							Dự toán được sử dụng trong năm 2026	Dự toán đã sử dụng	Dự toán giữ lại	Dự toán còn lại	Dự toán được sử dụng trong năm 2026	Dự toán đã sử dụng	Dự toán giữ lại	Dự toán còn lại	
1	Trường Mầm non Trục Thẳng	1133028	822	070	071	12	117.985.000	116.385.000		1.600.000					
						13	6.278.256.000	4.498.686.446		1.779.569.554					
						18	302.618.000			302.618.000					
						28			51.615.000						
2	Trường Mầm non Trục Thái	1133032	822	070	071	12	145.878.000	138.100.000		7.778.000					
						13	6.689.205.000	4.762.687.139		1.926.517.861					
						18	319.663.000			319.663.000					
						28			58.087.000						
3	Trường Mầm non Minh Thái	1133028	822	070	071	12	-			-	263.863.000	254.485.000		9.378.000	
						13	-				12.967.461.000	9.261.373.585		3.706.087.415	
						18	-			-	622.281.000			622.281.000	
						28	-		-				109.702.000		
4	Trường Tiểu học Trục Thẳng	1087364	822	070	072	12	135.432.500	62.721.788		72.710.712					
						13	6.939.125.000	4.611.503.553		2.327.621.447					
						18	324.212.000			324.212.000					
						28			48.212.500						
5	Trường Tiểu học Trục Thái	1087365	822	070	072	12	150.250.000	150.250.000		-					
						13	6.871.575.000	4.511.028.026		2.360.546.974					
						18	327.017.000	31.590.000		295.427.000					
						28			32.350.000						
6	Trường Tiểu học Minh Thái	1087365	822	070	072	12	-			-	285.682.500	212.971.788		72.710.712	
						13	-				13.810.700.000	9.122.531.579		4.688.168.421	
						18	-			-	651.229.000			619.639.000	
						28	-		-				80.562.500		
7	Trường THCS Trục Thẳng	1065960	822	070	073	12	148.085.500	138.825.000		9.260.500					
						13	6.852.600.000	4.596.298.448		2.256.301.552					
						18	336.792.000	18.720.000		318.072.000					
						28			44.239.500						
8	Trường THCS Trục Thái	1065959	822	070	073	12	368.442.500	366.192.500		2.250.000					
						13	7.653.330.000	5.402.742.400		2.250.587.600					
						18	381.776.000			381.776.000					
						28			41.977.500						
9	Trường THCS Minh Thái	1065959	822	070	073	12				-	516.528.000	505.017.500		11.510.500	
						13	-				14.505.930.000	9.999.040.848		4.506.889.152	
						18	-			-	718.568.000			699.848.000	
						28	-		-				86.217.000		